

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2022/HSST

Ngày: 30 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Hải

2. Bà Cao Thị H Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Thị D.** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 04/02/1980, tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn L (Đã chết); Con bà: Lương Thị A; CH: Lò Văn T; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/5/2022 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Thị H.** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 18/8/2001, tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường Q, thành phố S, tỉnh S.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn T; Con bà: Lò Thị D; Chồng, con; Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 31/5/2022 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại*: Chị Lường Thị T; Địa chỉ: Bản H 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lò Văn T; Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ (Có mặt);

- *Người có nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lường Văn K; Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ (Có mặt);
2. Ông Nguyễn Ngọc L; Địa chỉ: Tổ 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);
3. Ông Lò Văn P; Địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do);
4. Ông Lường Văn H; Địa chỉ: Bản H 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ (Có mặt).
5. Ông Lò Văn C; Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua tin báo của anh Lường Văn K; Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ và một người phụ nữ tên D cung cấp thông tin, vào khoảng 11 giờ ngày 26/5/2022, tổ công tác Công an phường T, thành phố Đ đã phát hiện trong túi xách của chị Lường Thị T; Địa chỉ: Bản H 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ có 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng túi nilon màu xanh, kích thước 2 x 2cm, miệng túi có mép dán, xung quanh thân túi được cuốn một lớp băng dính màu đen, bên trong có 11 viên nén màu H, trên mỗi viên có ký hiệu WY, nghi là ma túy tổng hợp và 01 lớp giấy bạc màu vàng, trong có chứa các cục chất bột màu trắng, thể rắn, nghi là ma túy loại Heroine, nên Cơ quan công an tiến hành bắt giữ chị T, thu giữ vật chứng đưa về công an phường T làm việc. Quá trình điều tra xác định được như sau:

Tháng 3/2021, Lò Thị D (Sinh năm 1980; Địa chỉ tại: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ) có quan hệ bất chính với anh Lường Văn H (Sinh năm 1973; Địa chỉ tại: Bản H 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ), thì bị chị Lường Thị T (Sinh năm 1975; Địa chỉ tại: Bản H 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ, là vợ anh H) đánh ghen. Vụ việc đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhưng sau đó D vẫn tiếp tục gặp gỡ, quan hệ với anh Lường Văn H.

Ngày 20/5/2022, D gọi điện cho con gái là Lò Thị H đang học ở S nhờ H về thành phố Đ bỏ ma túy vào người chị T, nhưng H không đồng ý. Đến sáng ngày 23/5/2022, D tiếp tục gọi điện nhờ H bỏ ma túy và gửi số điện thoại của chị T qua Zalo cho H để hỏi mua 10kg gạo và 02 con gà. Sáng ngày 25/5/2022, H gọi điện cho chị T đặt mua 02 con gà và 10kg gạo, chị T đồng ý. Sau đó H gọi điện cho D bảo đã đặt mua gà và gạo, D cho H biết chị T là vợ anh H (người đã đánh ghen D). Đến trưa cùng ngày H đi xe khách về thành phố Đ, sau đó D đón H về phòng trọ của mình ở sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ và lấy trên thành cửa sổ túi nilon màu xanh có mép dán, thân túi quần bằng dính màu đen, bên trong có 11 viên H phiến đưa cho H xem, H cầm, nhìn và biết đó là ma túy, rồi đưa lại để D cất lên chỗ cũ, sau đó D đi làm. Đến tối cùng ngày H hỏi D mai lấy gà thì lấy ở đâu, D bảo lấy ở T.

Khoảng 21 giờ cùng ngày D đi vào bản M, xã T, huyện Đ gặp Lò Văn C (anh họ D) mua 01 gói Heroine, gói ngoài bằng nilon màu H, tiếp theo là lớp giấy bạc màu vàng với số tiền 500.000 đồng mang về phòng trọ cho vào trong túi đựng H phiến và đưa cho H xem, rồi để gói ma túy trên thành cửa sổ. H hỏi D lấy gà ở T thì lấy ở đâu, D bảo lấy ở thôn Cộng Hòa, mai đi lấy gà thì bỏ túi ma túy này vào người bà T.

Sáng ngày 26/5/2022, H gọi điện hỏi chị T có gạo không, sau khi chị T trả lời có, H gọi cho D đang làm ở Khách sạn Diệp L hỏi mấy giờ gặp bà T, D bảo đợi D tan làm và gặp nhau ở cổng Bệnh viện tỉnh. Một lúc sau chị T gọi điện cho H hỏi lấy gà và gạo ở đâu, H bảo khoảng 11 giờ lấy ở T, chị T đồng ý. Còn D gọi điện cho anh Lương Văn K cán bộ Công an tỉnh Đ (anh họ D) bảo hôm nay có người vận chuyển ma túy về các anh có làm không, anh K không biết mục đích của D, nên đã giới thiệu D cho anh Nguyễn Ngọc L – Trưởng Công an phường T và anh Lò Văn P – Phó Trưởng Công an phường T. Anh L và anh P đã gọi điện cho D hỏi thông tin về người bán ma túy, D đã báo tin cho anh P là biển số xe thì chưa chắc chắn vì chị ta có nhiều xe, bà này đi bán gà thì bà ấy đi xe màu trắng, đen, biển số 27B1 – 113.16 và bảo anh P khi nào bên kia báo về thì D sẽ gọi hoặc tan làm thì đón D ở cổng Bệnh viện tỉnh để D chỉ. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày H lấy gói ma túy ở thành cửa sổ phòng trọ cầm ở lòng bàn tay trái đi bộ ra khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đ chờ một lúc thì D đi xe mô tô biển kiểm soát 27N1 – 025.04 đến đưa cho H khoảng gần một triệu đồng để mua gà, gạo và hỏi cầm gói ma túy chưa, H trả lời cầm rồi. Sau đó H điều khiển xe mô tô của D cầm theo gói ma túy ở lòng bàn tay trái đến chỗ hẹn chị T. D đứng đợi một lúc thì anh P đến, D bảo với anh P bên kia báo về hôm nay bà ấy đi xe biển 113.16, anh P đã gọi điện cho tổ công tác Công an phường T, rồi chờ D đi để chỉ mặt chị T, D ngồi sau xe nhắn tin cho H với nội dung: “gửi bxs cho mẹ con cứ bình tĩnh không sợ” và “nó ra nháy máy cho mẹ”. Trên đường đi, chị T gọi điện cho H để thống nhất chỗ gặp nhau. H vào thôn Cộng Hòa, xã T, huyện Đ đến đoạn đường ít người qua lại, liền xuống xe đứng đợi khoảng 05 phút thì chị T đi xe mô tô biển kiểm soát 27B1 – 113.16 chở 04 con gà trong lồng và 10kg gạo đến, chị T dừng sát tường bao, xuống xe đứng phía sau yên để mở lồng gà, H đứng ở phía bên trái chị T cách khoảng 01m, chị T bắt 02 con gà mái trong lồng ra cho H xem, thì chị T gọi điện báo không ăn cơm trưa, chị T tay trái cầm gà, tay phải mở

chiếc túi xách đang đeo treo trên người hơi trếch về bên sườn trái chị T lấy điện thoại ra nghe. Lợi dụng lúc chị T đang nghe điện thoại, không để ý, H bỏ túi ma túy đang cầm trong lòng bàn tay trái vào trong túi xách chị T đang đeo. Chị T nghe điện thoại xong cất vào túi xách, rồi bán cho H 02 con gà và 10kg gạo với giá 600.000 đồng. Khi chị T đi, H gọi điện nói với D con bỏ được ma túy vào rồi, bà ấy đi rồi. Đến 11 giờ 15 phút cùng ngày, chị T điều khiển xe về đến khu vực tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ thì bị Tổ công tác Công an phường T yêu cầu dừng xe, kiểm tra phát hiện thu giữ trong ngăn túi đựng tiền, điện thoại của chiếc túi xách màu đen chị T đang đeo trên người 01 túi nilon màu xanh, quần xung quanh bằng băng dính màu đen, bên trong có 11 viên H phiến loại Methamphetamine có tổng khối lượng 1,09 gam và 01 gói nilon màu H, tiếp theo là lớp giấy bạc màu vàng chứa các cục Heroine có khối lượng 0,2 gam (gói ma túy H bỏ vào). Khi anh P chở D đến khu vực cầu Mường T thì nhận được điện thoại đã bắt được chị T, nên bảo D xuống xe, D gọi điện cho H đến đón về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ H cầm theo 02 con gà, bắt xe khách về S, trên đường đi H tháo chiếc sim điện thoại đã liên lạc với chị T ném đi.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D khai nhận nguồn gốc gói ma túy Methamphetamine, cũng như động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là do: Khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 5/2022, nhiều lần H bàn với D về kế hoạch vu khống cho chị T là tội phạm ma túy, H là người chuẩn bị ma túy, còn D nhờ Lò Thị H (Là con gái D, đang học tại trường Đại học Tây Bắc - S) tìm cách bỏ ma túy vào người chị T, còn D là người báo cho người nhà làm công an, để bắt chị T, D không đồng ý. Sau đó vào một ngày giữa tháng 5/2022, H đến phòng trọ của D thuê tại địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đ, để trên thành cửa sổ trong phòng trọ một gói nhỏ, và nói với D "Anh để ở thành cửa sổ ấy", D tiến lại thành cửa sổ thấy 01 gói nhỏ, bên ngoài là một túi nilon màu xanh, miệng túi có mép dán, kích thước khoảng 2x 2m, xung quanh thân túi được cuốn băng dính màu đen, D cầm lên và mở ra kiểm tra thì thấy bên trong có 11 viên nén màu H, D hiểu đó là ma túy mà H mang đến để thực hiện kế hoạch của H đã nói trước đó. Mặc dù ban đầu D không đồng ý, nhưng do H thuyết phục D nhiều lần, H nói muốn ly hôn với chị T, nên D nghĩ H muốn ly hôn để đến với D, hơn nữa H còn đe dọa D nếu không làm sẽ làm hại H, mặt khác D vẫn còn tức chị T việc đánh ghen D, làm D xấu hổ với mọi người, nên khi H mang gói ma túy đến, D đã đồng ý thực hiện kế hoạch nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị T khai nhận: Khi bị cơ quan công an bắt, do lo sợ nên chị đã khai: Nguồn gốc số ma túy nói trên là vào buổi sáng ngày 26/5/2022, chị T một mình điều khiển xe máy có biển kiểm soát 27B1- 11316, từ nhà tại bản H 02, phường H, đi bán gà và gạo cho một người phụ nữ đặt mua gà và gạo từ trước, địa điểm bán tại xã T, huyện Đ, sau khi bán cho khách 10 kg gạo và 02 con gà mái với giá 600.000 đồng, trên đường về khi đi gần đến bãi rác ở xã T, huyện Đ thì có một người đàn ông lấy 01 gói nhỏ đặt vào trong túi xách của chị T và nói: Cầm gói ma túy này đến ngã ba Hàm đờ cát giúp em, tý em ra lấy rồi trả công sau, chị T đồng ý. Khi đi đến khu vực ngã ba Hàm đờ cát, thì bị tổ công tác công an phường T dừng xe kiểm

tra phát hiện tại túi xách mà chị T đang đeo có 01 gói có đặc điểm nêu trên, nghi là ma túy, nên tổ công tác bắt giữ chị T và thu giữ vật chứng đưa về trụ sở công an phường T để làm việc. Sau khi đấu tranh, điều tra xác định số ma túy trên không phải của chị T, ngày 29/5/2022 cơ quan điều tra đã trả tự do cho chị T. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Thị H khai nhận: Lò Thị H được mẹ đẻ là Lò Thị D nhiều lần thuyết phục nên bị cáo H đã đồng ý giúp D thực hiện việc bỏ gói ma túy vào túi của chị Lương Thị T để D báo tin cho Cơ quan Công an bắt giữ chị Lương Thị T, mục đích là để trả thù cho mẹ là bị cáo D, vì mẹ bị chị T đánh ghen và do H nể nang D, chứ giữa H và chị T không có mâu thuẫn gì.

Tại biên bản mở niêm P xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm P vật chứng hồi 19 giờ 00 phút, ngày 26/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 718/GĐ-PC09 ngày 30/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu viên nén màu H và các cục chất bột màu trắng thu giữ trong túi xách của Lương Thị T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 1,09gam, loại Heroine có khối lượng là 0,2 gam.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKS-TPĐBP ngày 08/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Thị D về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội Vu khống theo điểm a khoản 3 Điều 156 Bộ Luật hình sự. Truy tố bị cáo Lò Thị H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội Vu khống, theo điểm b khoản 1 Điều 156 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Thị D và Lò Thị H về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Vu khống.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình xét hỏi tại phiên tòa ngoài lời khai của bị cáo D, thì không có chứng cứ chứng minh Lương Văn H đưa H phiên cho D bảo nhét vào người chị T rồi báo Công an bắt chị T đi tù, để anh H thuận tiện ly hôn với chị T để được tự do đến với D, nên đại diện viện kiểm sát kết luận, rút một phần truy tố đối với bị cáo Lò Thị D về tội "Vu Khống" từ điểm a khoản 3 Điều 156/BLHS xuống điểm b khoản 1 Điều 156/BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 1 Điều 156, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thị D từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Vu khống". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 27 tháng đến 33 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 1 Điều 156, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thị H từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội " Vu khống". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 21 tháng đến 27 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy: 0,77 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 túi nilon màu xanh, xung quanh thân túi được cuốn băng dính màu đen; 01 mảnh nilon màu H; 01 mảnh giấy bạc màu vàng; 04 sim điện thoại gồm các số 0936539544, 0774361533, 0788058296 và 0365825903.

Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh D-tím; 01 điện thoại di động Vivo màu xanh; ½ trị giá xe mô tô biển kiểm soát 27N1 – 025.04, kèm đăng ký và chìa khóa xe. Trả lại cho anh Lò Văn T ½ trị giá xe mô tô biển kiểm soát 27N1 – 025.04. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Ngày 26/5/2022, trên địa bàn thành phố Đ và huyện Đ, tỉnh Đ, bị cáo Lò Thị D đã cung cấp 1,09 gam Methamphetamine và 0,2 gam Heroine cho bị cáo Lò Thị H để H bỏ số ma túy này vào túi xách chị Lương Thị T đang đeo trên người, để D báo Công an phường T bắt chị T.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 45 phút ngày 26/5/2022, biên bản niêm P vật chứng, biên bản mở niêm P, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm P vật chứng hồi 19 giờ 00 phút, ngày 26/5/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 718/GĐ-PC09 ngày 30/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ, biên bản khám xét, biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản nhận dạng, lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có liên quan khác.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi cất giấu trái phép 1,09 gam Methamphetamine và 0,2 gam Heroine của Lò Thị H và Lò Thị D để H bỏ số ma túy này vào túi xách của chị Lương Thị T đang đeo trên người, là phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS và hành vi của Lò Thị H và Lò Thị D bỏ số ma túy này vào túi xách của chị Lương Thị T sau đó tố cáo chị T với cơ quan công an là phạm tội Vu khống theo quy định tại Điều 156/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm vào danh dự, nhân phẩm của

người khác, vi phạm pháp luật. Lò Thị D và Lò Thị H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Riêng bị cáo Lò Thị D có bố đẻ là ông Lò Văn Lâm là người có công với cách mạng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo cùng nhau phạm tội, có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng người, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ trong khi thực hiện tội phạm cũng như việc che giấu tội phạm, nên không có tổ chức. Bị cáo D là người khởi sự, chuẩn bị ma túy cùng H thực hiện hành vi phạm tội, nên giữ vai trò chính; Bị cáo H là người thực hiện tích cực.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lò Thị H và Lò Thị D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS và Lò Thị H tội "Vu khống" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 156/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Đối với bị cáo Lò Thị D việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo về tội "Vu khống" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 156/BLHS, nhưng tại phiên tòa căn cứ vào lời khai nhận tội, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, nên đại diện viện kiểm sát đã luận tội và kết luận rút một phần truy tố đối với bị cáo về khung hình phạt nhẹ hơn là từ điểm a khoản 3 Điều 156/BLHS xuống điểm b khoản 1 Điều 156/BLHS là hoàn toàn phù hợp và đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để vu khống cho người khác là phạm tội, nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã cất giấu, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 4 Điều 156/BLHS, thì ngoài hình phạt chính, thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo D là làm ruộng, bị cáo H là sinh viên, chưa có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu SUZUKI XBIKE, màu sơn: Trắng - đen; BKS: 27B1-113.16, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định là tài sản của anh H, không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là Lương Văn H. Xét việc trao trả này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- 01 (một) chiếc túi xách màu đen, nhãn hiệu XUEYECL, 01 (một) điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C11 2021, bên trong có lắp 02 sim điện thoại số 0787.176.636 và 0787.460.342, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 724.000đ (bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng), tiền Việt Nam đang lưu hành, chưa kiểm tra thật giả, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định là tài sản của chị T, không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lương Thị T. Xét việc trao trả này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn: Vàng - nâu; BKS: 27B1-486.93, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khoá xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 040799; 01 (một) bao gạo, vỏ bao màu trắng, miệng bao được buộc bằng dây nhựa màu vàng, bên trong bao có chứa 10 kg gạo; 02 (hai) chiếc mũ bảo hiểm (một chiếc màu tím có lưới trai, một chiếc màu cam), đều là loại mũ ½ đầu; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 011180002402 mang tên Lò Thị D; 01 (một) chiếc áo chống nắng, loại dài từ cổ đến chân, có hoạ tiết hoa văn màu xanh - trắng, là tài sản của bị cáo Lò Thị D, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Lò Thị D, Lò Thị D ủy quyền cho CH là anh Lò Văn T; sinh năm 1974, trú tại: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ, nhận lại tài sản. Xét việc trao trả này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- 01 (một) chiếc áo chống nắng, loại dài từ cổ đến chân, có hoạ tiết hoa văn màu đỏ - đen; 01 (một) chiếc mũ bảo hiểm thời trang, màu cam, có hai chiếc tai trên đỉnh mũ, là mũ cũ đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ Căn cước công dân số 011301006842 mang tên Lò Thị H, chủ sở hữu hợp pháp là Lò Thị H, nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là bị cáo Lò Thị H, Lò Thị H ủy quyền cho Lò Văn T (là bố đẻ của H) nhận lại tài sản, Xét việc trao trả này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với Lương Văn H, (theo lời khai của D) là người đã cung cấp ma túy cho D, thuyết phục, ép buộc D nhờ Lò Thị H cùng thực hiện kế hoạch bỏ ma túy vào túi của chị Lương Thị T để vu khống chị T là tội phạm ma túy. Quá trình làm việc, Lương Văn

H không thừa nhận sự việc trên. Ngoài lời khai của Lò Thị D, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu nào khác chứng minh việc Lương Văn H là người đã xúi giục, ép buộc, cung cấp ma túy H phiến cho D để D nhờ Lò Thị H bỏ gói ma túy vào túi của chị Lương Thị T. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Lò Văn C (Theo lời khai của D), là người đã bán ma túy Heroine cho Lò Thị D. Ngoài lời khai của D, Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu nào khác chứng minh việc Lò Văn C bán ma túy cho D. Do vậy, Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Lương Văn K, anh Nguyễn Ngọc L, anh Lò Văn P là cán bộ Công an đã tiếp nhận tin báo về tội phạm của Lò Thị D. Do anh K, anh L, anh P không biết việc D nhờ H bỏ gói ma túy vào túi của chị T rồi báo tin cho Cơ quan Công an; anh K, anh L, anh P đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý đối với Lương Văn K, Nguyễn Ngọc L, Lò Văn P là có căn cứ.

- Đối với chiếc sim điện thoại số 0787.449.193 mà H sử dụng để liên lạc với chị Lương Thị T vào các ngày 25, 26/5/2022: Sau khi sử dụng chiếc sim điện thoại nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội xong, H đã vứt chiếc sim kể trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm chiếc sim điện thoại nêu trên.

[6]. Vật chứng: 0,77 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 túi nilon màu xanh, xung quanh thân túi được cuốn băng dính màu đen; 01 mảnh nilon màu H; 01 mảnh giấy bạc màu vàng. 04 sim điện thoại gồm các số 0936539544, 0774361533, 0788058296 và 0365825903, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh D-tím, 01 điện thoại di động Vivo màu xanh, các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, cần Tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27N1-02504, 01 chìa khóa xe và đăng ký xe mang tên Lò Văn T. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lò Thị D và cH là anh Lò Văn T. Khi bị cáo D lấy xe đi, anh T không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần Tịch thu sung ngân sách: 1/2 giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát 27N1-02504, kèm đăng ký xe và chìa khóa xe, trả lại cho anh Lò Văn T 1/2 giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát 27N1-02504.

Về yêu cầu bồi thường: Bị hại chị Lương Thị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì, nên không đặt vấn đề xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 1 Điều 156, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58/BLHS

- Tuyên bố bị cáo Lò Thị D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội “Vu khống”.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị D 02 (Hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (Chín) tháng tù tội “Vu khống”. Tổng hợp chung cho cả hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là: 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (31/5/2022).

2.Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm b khoản 1 Điều 156, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58/BLHS

- Tuyên bố bị cáo Lò Thị H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội “Vu khống”.

- Xử phạt bị cáo Lò Thị H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 04 (Bốn) tháng tù tội “Vu khống”. Tổng hợp chung cho cả hai tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là: 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (31/5/2022).

3.Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS, khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,77 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 túi nilon màu xanh, xung quanh thân túi được cuốn băng dính màu đen; 01 mảnh nilon màu H; 01 mảnh giấy bạc màu vàng. 04 sim gồm các số: 0936539544, 0774361533, 0788058296 0365825903.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu: Xanh D – tím; IMEI 1: 867842057895333; IMEI 2: 867842057895325, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu: Xanh; IMEI 1: 864415050181994; IMEI 2: 864415050181986, điện thoại cũ đã qua sử dụng, phía trên bên phải màn hình điện thoại bị nứt vỡ;

Tịch thu sung ngân sách: 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: Trắng - đen; biển kiểm soát: 27N1-025.04; số khung: 763401; số máy: 63763275, là xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 chìa khoá xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 003344, mang tên Lò Văn T. Trả lại cho anh Lò Văn T 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: Trắng - đen; biển kiểm soát: 27N1-025.04; số khung: 763401; số máy: 63763275.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/9/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

